

Phụ lục 2
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 02 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

PHẦN I: DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	MÃ QUY TRÌNH	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
1.	QT-043- Cục PTTH& TTĐT	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
2.	QT-044- Cục PTTH& TTĐT	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT
3.	QT-040- Cục PTTH& TTĐT	Thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam.	PTTH& TTĐT	Cục PTTH& TTĐT

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

Mã quy trình: QT-043-Cục PTTH&TTĐT

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) - Là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình còn hiệu lực. - Đáp ứng các điều kiện về nội dung Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo theo quy định (<i>Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo của các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí phê duyệt; của các cơ quan báo chí của trung ương phải được người đứng đầu cơ quan báo chí ký xác nhận và cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí phê duyệt</i>). - Tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí và quảng cáo; không vi phạm các hành vi bị cấm theo Luật Quảng cáo và Luật Báo chí.
2	Cách thức thực hiện Cơ quan báo chí đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
3	Trình tự thực hiện - Cơ quan báo chí đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT-DL) có trách nhiệm cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí. Trường hợp từ chối, Bộ VH-TT-DL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo; - Đối với trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ VH-TT-DL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) nêu rõ nội dung, thành phần hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung để cơ quan báo chí đề nghị cấp phép thực hiện.

4	Thành phần hồ sơ			Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP).			01 bản	Bản chính
4.2	Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo, nêu rõ các nội dung chủ yếu của kênh chương trình chuyên quảng cáo: Tôn chỉ, mục đích và mục tiêu sản xuất; tên gọi, biểu tượng (logo); nội dung; độ phân giải hình ảnh (đối với kênh truyền hình); độ phân giải âm thanh (đối với kênh phát thanh); khung chương trình dự kiến trong 01 tháng; đối tượng khán/thính giả; năng lực sản xuất (nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung; phương thức kỹ thuật phân phối đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình. Trường hợp kênh chương trình chuyên quảng cáo là sản phẩm liên kết, phải cung cấp thêm các thông tin về địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết. Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo của các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí phê duyệt; của các cơ quan báo chí của trung ương phải được người đứng đầu cơ quan báo chí ký xác nhận và cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí phê duyệt.			01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
6	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.				
8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm	
B1	Bộ phận Một cửa của Cục PTT&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo cho cơ quan báo chí hồ sơ chưa hợp lệ.	

	phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan báo chí. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho Phòng PTTH xử lý. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan báo chí.			
B2	Lãnh đạo Phòng PTTH chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng PTTH thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng PTTH	1/2 ngày làm việc	Chuyên viên Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.
B3	Chuyên viên thẩm tra hồ sơ, soạn thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (<i>trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu</i>) hoặc soạn thảo văn bản của Bộ VHTTDL lấy ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương về việc cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí	Chuyên viên Phòng PTTH	03 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (trường hợp chuyên viên xác định hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). Hoặc: - Phiếu trình Lãnh đạo Cục, Lãnh đạo Bộ; Dự thảo văn bản của Bộ VHTTDL lấy ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương (Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).

	<i>(trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).</i>			
B4	Lãnh đạo Phòng PTTH xử lý văn bản do chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	02 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). Hoặc: - Dự thảo văn bản của Bộ VHTTDL lấy ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương (Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).
B5	Lãnh đạo Cục xử lý văn bản do Phòng PTTH trình.	Lãnh đạo Cục	03 ngày làm việc	- Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến/ ký phê duyệt đối với Dự thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). Hoặc: - Phó Cục trưởng phụ trách, Cục trưởng phê duyệt/ cho ý kiến đối với Dự thảo văn bản của Bộ VHTTDL lấy ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương (Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).
B6	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xử lý văn bản do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	03 ngày làm việc	Văn bản của Bộ VHTTDL lấy ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương.
	<i>Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương có văn bản trả lời.</i>	<i>Đơn vị ngoài (Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương)</i>	<i>Không tính thời gian vào TTHC</i>	<i>Văn bản trả lời của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương</i>

B7	Chuyên viên Phòng PTTH xử lý hồ sơ trên cơ sở văn bản cho ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, trình Lãnh đạo Phòng PTTH.	Chuyên viên Phòng PTTH	02 ngày làm việc	- Phiếu trình Lãnh đạo Cục, Lãnh đạo Bộ cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo. - Dự thảo Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.
B8	Lãnh đạo Phòng PTTH xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.	Lãnh đạo Phòng PTTH	02 ngày làm việc	- Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục, Lãnh đạo Bộ cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo. - Dự thảo Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.
B9	Lãnh đạo Cục xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo do Phòng PTTH trình.	Lãnh đạo Cục	01 ngày làm việc	- Phó Cục trưởng phụ trách và Cục trưởng cho ý kiến tại Phiếu trình Lãnh đạo Cục. - Phó Cục trưởng phụ trách ký Phiếu trình Lãnh đạo Bộ và ký nháy Dự thảo Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.
B10	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	02 ngày làm việc	- Lãnh đạo Bộ phê duyệt/ cho ý kiến chỉ đạo tại Phiếu trình của Cục PTTH&TTĐT. - Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.
B11	Cấp số Giấy phép	Văn thư Bộ VHTTDL	1/2 ngày làm việc	Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.
B12	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa trả kết quả cho cơ quan báo chí.

9	Cơ sở pháp lý - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 75/2025/QH15: Điều 22 quy định về quảng cáo trên báo nói, báo hình (phát thanh, truyền hình). - Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ (quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo): Điều 14, Điều 15 và Điều 16 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.
10	Biểu mẫu - Tờ khai của cơ quan báo chí đề nghị cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 01- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo). - Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 02- Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo).
11	Đối tượng thực hiện Cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.
12	Cơ quan thực hiện Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
13	Kết quả thực hiện Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Tên cơ quan báo chí (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:.....

- Email (nếu có):.....

- Website (nếu có):.....

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* số...do...cấp ngày tháng năm.....

- Giấy phép sản xuất *kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/ truyền hình)* trong nước sốdo..... cấp lần ngày ... tháng năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

2. Đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):.....

2.1. Tên kênh chương trình:.....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:.....

2.4. Ngôn ngữ thể hiện:.....

2.5. Đối tượng phục vụ:.....

2.6. Thời gian phát sóng (*từ giờ đến giờ*):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (*Số giờ/ngày*):

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

.....

- Phát lại:

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐HDTV ☐Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

.....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐Stereo ☐Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết:

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:

- Điện thoại: - Fax:

3.3. Sổ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên: Sinh ngày: Quốc tịch:

Số căn cước công dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: Số điện thoại:

Mã số định danh:

.....

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; số lượng máy quay; số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...):

.....

3.7. Hình thức liên kết:

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

6. Địa điểm đặt phòng tổng không chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá ☐

Trả tiền ☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

Khác ☐

..... (Ghi rõ trong trường hợp thuộc diện "khác")

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Năm 1:

+ Năm 2:

10. Các nội dung khác (nếu có)

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

11.1. Họ và tên:

11.2. Chức danh (Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc):

11.3. Mã số định danh:

12. Tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

13. Cam kết

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (tên cơ quan báo chí) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

Xác nhận của cơ quan chủ quản
*(Đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành
 phố trực thuộc trung ương hoặc các bộ,
 ngành)*
(Ký tên, đóng dấu)

Người đứng đầu cơ quan báo chí
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BVHTTDL

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO**

Cấp lần đầu ngày.... tháng năm ...

Cấp ngày.... tháng năm ...

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH*Căn cứ Luật Báo chí;**Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;**Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;**Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;**Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/ truyền hình) trong nước số... do.... cấp ngày... tháng.... năm.... (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);**Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước số.... do.... cấp ngày.... tháng.... năm và hồ sơ bổ sung số ...ngày... tháng....năm.... của (tên cơ quan báo chí);**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử.***CẤP PHÉP CHO:****Tên cơ quan báo chí** (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình số.... do..... cấp.... ngày.... tháng.... năm

Được sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: (Phát thanh hoặc Truyền hình)**1.1. Tên kênh chương trình:**

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:.

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

1.4. Ngôn ngữ thể hiện:

1.5. Đối tượng phục vụ:

1.6. Thời gian phát sóng (từ.....giờ đến.... giờ): .

1.7. Thời lượng phát sóng (...giờ/ngày):

1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong tháng	Trung bình/ ngày	Trong tháng
1.						
2						
3						
4.						
5.						
6.						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh:

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.

2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

3. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá/Phương thức dịch vụ trả tiền.

5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Khác:

.....

6. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

6.1. Họ và tên:

6.2. Chức danh (Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc):

7. Các quy định khác:

Cơ quan báo chí

8. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp.
- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số.... ngày.... năm... do Bộ cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).
- Cơ quan chủ quản/cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép.

Nơi nhận:

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở VH-TTDL, Sở VH-TT;
-
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT..

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

2. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

Mã quy trình: QT-044-Cục PTTH&TTĐT

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) Cơ quan báo chí đã được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo có nhu cầu sửa đổi, điều chỉnh một hoặc một số nội dung đã ghi trên giấy phép. - Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình: cơ quan báo chí có Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo thực hiện hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung áp dụng như đối với cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp mới). - Trường hợp thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép: cơ quan báo chí có Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo thực hiện hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung theo quy trình sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép. Cơ quan báo chí của trung ương có văn bản thuyết minh, đề nghị gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	Cách thức thực hiện Cơ quan báo chí đã được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo nộp 01 bộ hồ sơ bản chính về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính, nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.
3	Trình tự thực hiện - Cơ quan báo chí đã được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nộp hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử). - Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí của trung ương; cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp có trách nhiệm cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

4	Thành phần hồ sơ			Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
	- Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình: thực hiện hồ sơ, trình tự, thủ tục như cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp mới). - Trường hợp thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép: Cơ quan báo chí đã được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh nội dung thay đổi (nêu rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và lý do). Cơ quan báo chí của trung ương gửi văn bản đề nghị về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);			01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
6	Thời gian xử lý: Tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
7	Phí/Lệ phí: Chưa quy định.				
8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm	
B1	Bộ phận Một cửa của Cục PTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan báo chí. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ cho Phòng PTTH xử lý. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan báo chí.	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. Hoặc - Thông báo cơ quan báo chí hồ sơ chưa hợp lệ.	
B2	Lãnh đạo Phòng PTTH chuyển Chuyên	Lãnh đạo	1/2 ngày	Chuyển Chuyên viên Phòng PTTH thụ lý hồ sơ.	

	viên phụ trách thụ lý hồ sơ.	Phòng PTTH	làm việc	
B3	Chuyên viên Phòng PTTH tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo Phòng, thực hiện thẩm tra, xử lý hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên	02 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (trong trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). Hoặc: - Phiếu trình xin ý kiến Lãnh đạo Cục, Lãnh đạo Bộ; Dự thảo Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (trong trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).
B4	Lãnh đạo Phòng PTTH xử lý văn bản/ Phiếu trình do chuyên viên trình.	Lãnh đạo Phòng PTTH	01 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (trong trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). Hoặc: - Phiếu trình Lãnh đạo Cục, Lãnh đạo Bộ; dự thảo Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (trong trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).
B5	Lãnh đạo Cục xử lý văn bản/ Phiếu trình do Phòng PTTH trình.	Lãnh đạo Cục	02 ngày làm việc	- Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến chỉ đạo/ phê duyệt văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho cơ quan báo chí về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (trong trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). - Phó Cục trưởng phụ trách, Cục trưởng cho ý kiến chỉ đạo tại Phiếu trình Lãnh đạo Bộ; dự thảo Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh

				chương trình chuyên quảng cáo (trong trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).
B6	Lãnh đạo Bộ VHTTDL xử lý hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo do Cục PTTH&TTĐT trình.	Lãnh đạo Bộ VHTTDL	03 ngày làm việc	- Lãnh đạo Bộ phê duyệt/ cho ý kiến chỉ đạo tại Phiếu trình của Cục PTTH&TTĐT. - Lãnh đạo Bộ ký Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.
B7	Cấp số Giấy phép	Văn thư Bộ VHTTDL	1/2 ngày làm việc	Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	1/2 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa trả kết quả cho cơ quan báo chí.
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 75/2025/QH15: Điều 22 quy định về quảng cáo trên báo nói, báo hình (phát thanh, truyền hình). - Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ (quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo): Điều 14, Điều 15 và Điều 16 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.			
10	Biểu mẫu			
	- Tờ khai của cơ quan báo chí đề nghị cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo). - Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 02 - Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo).			
11	Đối tượng thực hiện			
	Cơ quan báo chí đã được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.			

12	Cơ quan thực hiện
	- Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL: Thực hiện cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan báo chí ở trung ương.
13	Kết quả thực hiện
	Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIẤY PHÉP SẢN XUẤT
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Tên cơ quan báo chí (viết chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

.....

- Điện thoại: - Fax:

.....

- Email (nếu có):

.....

- Website (nếu có):

.....

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* số...do...cấp ngày tháng năm.....

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (*phát thanh/ truyền hình*) trong nước sốdo..... cấp lần ngày ... tháng năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

2. Đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):

2.1. Tên kênh chương trình:

.....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

.....

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

.....

2.4. Ngôn ngữ thể hiện:

.....

2.5. Đối tượng phục vụ:

.....

2.6. Thời gian phát sóng (*từ giờ đến giờ*):

.....

2.7. Thời lượng phát sóng (*Số giờ/ngày*):

.....

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):
 - Phát lại:

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

.....

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

.....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn

"khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết:.....

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:

- Điện thoại: - Fax:

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:

Ngày cấp: Nơi cấp:

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên: Sinh ngày: Quốc tịch:

Số căn cước công dân (hoặc hộ chiếu) số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: Số điện thoại:

Mã số định danh:

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; số lượng máy quay; số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...):

.....

3.7. Hình thức liên kết:

.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:

.....

4. Địa điểm sản xuất kênh chương

trình:

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá ☐

Trả tiền ☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

Khác ☐

..... (Ghi rõ trong trường hợp thuộc diện "khác")

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:

.....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:

.....

+ Năm 1:

.....

+ Năm 2:

.....

10. Các nội dung khác (nếu có)

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

11.1. Họ và tên:

.....

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc*):

.....

11.3. Mã số định danh:

.....

12. Tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

13. Cam kết

(*Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình*) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (*tên cơ quan báo chí*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

Xác nhận của cơ quan chủ quản

(*Đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc các bộ, ngành*)

(*Ký tên, đóng dấu*)

Người đứng đầu cơ quan báo chí

(*Ký tên, đóng dấu*)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BVHTTDL

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO**

Cấp lần đầu ngày.... tháng năm ...

Cấp ngày.... tháng năm ...

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Báo chí;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/ truyền hình) trong nước số... do.... cấp ngày... tháng.... năm.... (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước số.... do.... cấp ngày.... tháng.... năm và hồ sơ bổ sung số ...ngày... tháng....năm.... của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử.

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình số.... do..... cấp.... ngày.... tháng.... năm

Được sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: (Phát thanh hoặc Truyền hình)

1.1. Tên kênh chương trình:

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:.

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

1.4. Ngôn ngữ thể hiện:

1.5. Đối tượng phục vụ:

1.6. Thời gian phát sóng (từ.....giờ đến.... giờ): .

1.7. Thời lượng phát sóng (...giờ/ngày):

1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong tháng	Trung bình/ ngày	Trong tháng
1.						
2						
3						
4.						
5.						
6.						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh:

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.

2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

3. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá/Phương thức dịch vụ trả tiền.

5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Khác:

.....

6. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

6.1. Họ và tên:

6.2. Chức danh (Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc):

7. Các quy định khác:

Cơ quan báo chí

8. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp.
- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số.... ngày.... năm... do Bộ cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).
- Cơ quan chủ quản/cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép.

Nơi nhận:

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở VH-TTDL, Sở VH-TT;
-
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT..

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

3. Tên thủ tục: Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam.

Mã quy trình: QT-040-Cục PTTH&TTĐT

Nội dung cụ thể:

1	Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) Trước khi bắt đầu kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam, các tổ chức, doanh nghiệp (bao gồm các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài) thực hiện thông báo thông tin liên hệ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).
2	Cách thức thực hiện Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. (Địa chỉ: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp qua phương tiện điện tử (email) đến địa chỉ report_abei@bvhttdl.gov.vn. - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (https://dichvucong.bvhttdl.gov.vn). Trường hợp nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
3	Trình tự thực hiện - Trước khi bắt đầu kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam, các tổ chức, doanh nghiệp (bao gồm các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài) thực hiện thông báo thông tin liên hệ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử). - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp Giấy xác nhận cho tổ chức, doanh nghiệp. - Trường hợp thay đổi thông tin liên hệ, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam thực hiện lại thủ tục thông báo thông tin liên hệ và gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

4	Thành phần hồ sơ			Số lượng/ Đơn vị tính	Hình thức
4.1	Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.			01 bản	Bản chính
5	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
6	Thời gian xử lý: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
7	Phí/Lệ phí: Không quy định.				
8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/ Sản phẩm	
B1	Bộ phận Một cửa của Cục PTTTH&TTĐT tiếp nhận hồ sơ. - Đối với hồ sơ hợp lệ: Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho Phòng Thông tin điện tử xử lý. - Đối với hồ sơ chưa hợp lệ: Bộ phận Một cửa thông báo cho cơ quan, tổ chức, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày	- Phiếu tiếp nhận kèm theo hồ sơ. - Thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.	
B2	Lãnh đạo Phòng Thông tin điện tử chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Thông tin điện tử thụ lý giải quyết.	Lãnh đạo Phòng Thông tin điện tử	1/4 ngày	Chuyển Chuyên viên Phòng Thông tin điện tử thụ lý hồ sơ.	

B3	Chuyên viên thẩm định hồ sơ, soạn thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (<i>trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu</i>) hoặc soạn thảo Giấy xác nhận thông báo thông liên hệ (<i>trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu</i>).	Chuyên viên Phòng Thông tin điện tử	02 ngày	- Dự thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (Trường hợp chuyên viên xác định hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). Hoặc: - Phiếu trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Cục; Dự thảo Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ (Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).
B4	Lãnh đạo Phòng Thông tin điện tử xử lý văn bản do chuyên viên trình.	Lãnh đạo Thông tin điện tử	1/2 ngày	- Dự thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (Trường hợp chuyên viên xác định hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). Hoặc: - Phiếu trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Cục; Dự thảo Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ (Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).
B5	Lãnh đạo Cục xử lý văn bản do Phòng Thông tin điện tử trình.	Lãnh đạo Cục	1/2 ngày	- Phó Cục trưởng phụ trách cho ý kiến/ ký phê duyệt đối với Dự thảo văn bản của Cục PTTH&TTĐT thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ (Trường hợp chuyên viên xác định hồ sơ không đáp ứng yêu cầu). Hoặc: - Phó Cục trưởng phụ trách, Cục trưởng phê duyệt/ cho ý

				kiến đối với Phiếu trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Cục; Dự thảo Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ (Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu).
B6	Cấp số văn bản hoặc số Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ	Văn thư Cục PTTH&TTĐT	1/4 ngày	Văn bản phúc đáp hoặc Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ
B7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	1/4 ngày	Bộ phận Một cửa trả kết quả cho cơ quan, tổ chức.
9	Cơ sở pháp lý			
	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13; - Luật số 75/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo; - Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.			
10	Biểu mẫu			
	Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2025/NĐ-CP.			
11	Đối tượng thực hiện			
	Tổ chức, doanh nghiệp.			
12	Cơ quan thực hiện			
	Cục PTTH&TTĐT, Bộ VHTTDL			
13	Kết quả thực hiện			
	Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam.			

Mẫu số 03*Ban hành kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ***TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng... năm...

**THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ QUẢNG CÁO
TRÊN MẠNG TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Căn cứ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13; Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15 và Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Quảng cáo;

Chúng tôi thông báo thông tin liên hệ của chúng tôi như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:
- Số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ trang thông tin điện tử, ứng dụng giới thiệu hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp:
- Địa chỉ trang thông tin điện tử, ứng dụng kinh doanh dịch vụ quảng cáo:
- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ:

(Đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới vào Việt Nam)

- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ chính:.....
- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam:)

2. Thông tin liên hệ:

- Đầu mối liên hệ:.....

(Đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới vào Việt Nam)

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đại diện liên hệ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Địa chỉ tại Việt Nam:)

- Địa chỉ Email:

- Số điện thoại liên hệ:

Chúng tôi xác nhận rằng những thông tin do chúng tôi cung cấp trên đây là chính xác và cam kết chịu trách nhiệm về những thông tin này.

**XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN/
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)